

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2018

*“V/v tranh chấp HNGĐ – Xin ly
hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mai Hương,

2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 241/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc: *“Tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lưu Văn Đ**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp 1, xã Tân N, huyện Cao L, Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp 1, xã Tân N, huyện Cao L, Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Lưu Văn Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị T kết hôn năm 2009, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng thời gian sau anh và chị T đều đi làm ăn xa để lo kinh tế gia đình, được một thời gian thì chị T

bỏ đi từ năm 2011 đến nay và không liên lạc gì với gia đình thăm con, anh Đ đã nhiều lần tìm cách liên lạc với chị T nhưng không được. Sau đó anh Đ có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh tuyên bố mất tích đối với chị Trần Thị Thu T, tuy nhiên từ thời điểm đó đến nay chị T vẫn không trở về địa phương. Nay anh Đ nhận thấy tình cảm hai bên không thể hàn gắn được, nên anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Thu T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lưu Văn Q, sinh ngày 15/02/2010. Hiện nay con chung đang sống với anh Đ. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn là chị Trần Thị Thu T đã được được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp và hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm: Bản sao giấy khai sinh tên Lưu Văn Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Chị Trần Thị Thu T mặc dù được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị T không có văn bản ý kiến trả lời cũng như không đến tham gia phiên hòa giải, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay vẫn vắng mặt không lý do; vì vậy căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thị Thu T.

Chị Trần Thị Thu T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại ấp 1, xã Tân N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Trong quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Phạm Phước Tâm và bà Hồ Thị Mai Hương, Hội thẩm nhân dân dự khuyết là ông Dương Tấn Lợi và bà Võ Thị Diệp. Tuy nhiên, ông Tâm, ông Lợi và bà Diệp đều bận công tác đột xuất nên thay thế Hội thẩm nhân dân là ông Trần Văn Bé Hai để tham gia Hội đồng xét xử. Đương sự có mặt tại phiên tòa thông nhất với sự thay đổi này nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử.

- Về hôn nhân: Xét thấy anh Lưu Văn Đ và chị Trần Thị Thu T tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, mặc dù việc sống chung của anh chị đều được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng anh Đ và chị T đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “ 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”; và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: “ Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....”. Do anh Đ và chị T không đăng ký kết hôn nên khi anh Đ xin ly hôn, Hội đồng xét xử không tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa hai người; Và vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận anh Lưu Văn Đ và chị Trần Thị Thu T là vợ chồng do không đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh Đ và chị T 01 con chung tên Lưu Văn Q, sinh ngày 15/02/2010, hiện con chung đang sống với anh Đ. Xét thấy con chung có nguyện vọng sống với anh Đ khi cha mẹ ly hôn, điều này phù hợp với yêu cầu xin nuôi con của anh Đ; do vậy chấp nhận anh Lưu Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lưu Văn Q, anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí: Anh Lưu Văn Đ phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

** Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Lưu Văn Đ và chị Trần Thị Thu T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chấp nhận anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lưu Văn Q, sinh ngày 15/02/2010, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Lưu Văn Đ phải chịu 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 04568 ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- UBND xã An Bình;
- Tòa án tỉnh.
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Trung Dũng